TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH TUY PHONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: **07**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26/4/2018
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Quốc Trí
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trương Tấn Thành – Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện Tuy Phong
2. Ông Dương Khắc Hùng – Phó Bí thư huyện Đoàn Tuy Phong

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Lâm Thị Mỹ Kỷ - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Đào Thanh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 340/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2017 về việc: "Ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2018/QĐST- HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2018; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Thường Thị Ngọc D, sinh năm 1984
Địa chỉ: thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Bình Thuận.
Bị đơn: Ông Hán T, sinh năm 1974
Địa chỉ: thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Bình Thuận.
Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Thường Thị Ngọc D trình bày: Về quan hệ hôn nhân, bà và ông Hán T tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện P vào năm 2005. Hai bên gia đình không tổ chức lễ cưới hỏi cho vợ chồng ông bà. Bà về nhà ông T sống được 07 tháng thì trở về nhà mẹ ở xã L sinh sống, từ đó ông T cũng theo bà về nhà. Cuộc sống vợ chồng bà vẫn hạnh phúc cho đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T không quan tâm, không có trách nhiệm với bà và các con. Bà đã nhiều lần khuyên can và cho ông T cơ hội sửa chữa để vợ chồng hạnh phúc nhưng ông T vẫn tính nào tật nấy, không thay đổi. Hiện nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: bà và ông Hán T có 03 con chung là Hán Văn D, sinh ngày: 16/02/2004, Hán Thị Ngọc D, sinh ngày: 07/9/2007 và Hán Văn H, sinh ngày 01/01/2012. Hiện nay các cháu đang ở với bà. Nguyện vọng của bà là được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục các con chung cho đến khi trưởng thành, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: ông bà sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai bị đơn ông Hán T trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Thường Thị Ngọc D tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L vào năm 2005. Hai bên gia đình không tổ chức lễ cưới hỏi cho ông bà. Cuộc sống hôn nhân của ông bà vẫn hạnh phúc cho đến một năm nay thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà D đi suốt ngày không chăm lo đến gia đình và con cái. Hiện nay ông xác định cuộc sống vợ chồng ông vẫn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng vẫn còn nên ông không đồng ý ly hôn với bà D.

Về con chung: ông và bà Thường Thị Ngọc D có 03 con chung là Hán Văn D, sinh ngày: 16/02/2004, Hán Thị Ngọc D, sinh ngày: 07/9/2007 và Hán Văn H, sinh ngày 01/01/2012. Nguyện vọng của ông là được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục các con chung cho đến khi trưởng thành, ông không yêu cầu bà Thường Thị Ngọc D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: ông bà sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của bà Thường Thị Ngọc D và ông Hán T, đề nghị Hội đồng xét xử giao các cháu Hán Văn D, Hán Thị Ngọc D và Hán Văn H cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình, giải quyết vụ án, ông Hán T đã nhận văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án và có mặt khi tòa án ghi lời khai của ông, nhưng đến khi xét xử tại Tòa án ông không có mặt mà không có lý do chính đáng. Tòa án đã xác định địa chỉ của ông đúng theo địa chỉ của nguyên đơn cung cấp và tiến hành cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 điều 172; khoản 3, khoản 5 điều 177 và điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự cho ông Hán T, do ông Hán T vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của bà Thường Thị Ngọc D, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hôn nhân giữa bà và ông Hán T được xác lập là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn xã L, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Quá trình chung sống do ông T không từ bỏ những tật xấu, không quan tâm và không có trách nhiệm với vợ con nên bà D không còn tình cảm vợ chồng với ông T, Từ năm 2012 đến nay đời sống hôn nhân giữa bà và ông T không hạnh phúc. Xét thấy tình cảm vợ chồng của bà D và ông T không còn nữa, mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D đối với ông T.

[3] Về con chung: bà D và ông T có 03 con chung là Hán Văn D, sinh ngày: 16/02/2004, Hán Thị Ngọc D, sinh ngày: 07/9/2007 và Hán Văn H, sinh ngày 01/01/2012. Hiện nay các cháu đang sống với bà D và có nguyện vọng được tiếp tục sống với bà D. Nguyện vọng của bà D được nhận nuôi con và không yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu bà D là chính đáng nên chấp nhận yêu cầu về việc xin được nuôi con của bà D.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà D và ông T đồng thuận sẽ tự thỏa thuận về tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết quan hệ này.

[5] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án thì bà D là người có yêu

cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng: Khoản 01 Điều 28; điểm a khoản 01 Điều 35; điểm a khoản 01 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 51; Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Thường Thị Ngọc D đối với ông Hán T, Bà D được ly hôn với ông T.

3/ Về con chung: Giao cho bà D tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho 03 con chung là Hán Văn D, sinh ngày: 16/02/2004, Hán Thị Ngọc D, sinh ngày: 07/9/2007 và Hán Văn H, sinh ngày 01/01/2012 cho đến khi các cháu trưởng thành, bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Bà D không được cản trở ông T quyền thăm con.

4/ Về án phí: Bà Thường Thị Ngọc D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Bà D đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số 0014182 ngày 08/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, bà D đã nộp đủ án phí.

5/ Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/4/2018), bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND xã Phú Lạc;
- Lưu: Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Quốc Trí